

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/02/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-HPT ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **TRƯƠNG THỊ KIM P**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 120A đường Y, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông **NGUYỄN HUY Q**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 120A đường Y, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2020 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Kim P trình bày:

Bà Trương Thị Kim P và ông Nguyễn Huy Q sau một thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số I do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/4/2000.

Sau khi cưới, bà P và ông Q về sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P là do ông Q có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, xô xát với nhau. Khi say xỉn, ông Q kiểm chuyện để vô cớ chửi bới, xúc phạm bà P. Thậm chí, nhiều lần

ông Q còn có hành động thô lỗ làm bà tổn thương về tinh thần và thể xác. Tuy còn sống chung một nhà nhưng bà P xác định cả hai không còn tình cảm, hoàn toàn không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng nên không thể hàn gắn. Vì vậy, bà P yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Huy B, sinh năm 2001 và Nguyễn Huy Quốc K, sinh ngày 19/8/2008. Cháu B đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu giải quyết. Dựa trên nguyện vọng của cháu K, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với bị đơn là ông Nguyễn Huy Q để ông Q thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng ông Q vắng mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do, ông Q cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 29/12/2021 tại Tổ N, khu phố N, phường B, thành phố V xác định: Vợ chồng ông Nguyễn Huy Q và bà Trương Thị Kim P chung sống với nhau tại địa chỉ 120A đường Y, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống, tổ dân phố có nắm được thông tin vợ chồng ông Q bà P xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân, mức độ cụ thể thì địa phương không biết. Ông Q và bà Phụng không nhờ địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định:

- Về hôn nhân: Bà P yêu cầu ly hôn với ông Q. Xét hôn nhân bà P, ông Q qua trình bày của bà P và kết quả xác minh thể hiện, mâu thuẫn của vợ chồng là có thật, tồn tại thời gian dài và theo chiều hướng ngày càng trầm trọng. Bà P yêu cầu ly hôn nhưng việc ông Q không tham gia tố tụng thể hiện ông không có thiện chí trong việc giải quyết và hàn gắn quan hệ hôn nhân rạn nứt, mâu thuẫn của vợ chồng. Vì vậy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho bà P được ly hôn ông Q.

- Về con chung: 02 (hai) con chung là Nguyễn Huy B, sinh năm 2001 và Nguyễn Huy Quốc K, sinh ngày 19/8/2008. Nguyễn Huy B đã trưởng thành, bà P không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị gì thêm. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi Nguyễn Huy Quốc K; Cháu K có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xét yêu cầu của bà P là có căn cứ pháp luật để xem xét vì bà P có đủ điều kiện nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của bà P về việc bà P là người trực tiếp nuôi con chung. Bà P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên không đề nghị gì thêm.

+ Về nợ chung và tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ông Nguyễn Huy Q và bà Trương Thị Kim P chung sống có đăng ký kết hôn. Bà P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Q. Ông Q có nơi cư trú tại thành phố V. Vì vậy xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng để ông Q tham gia tố tụng, ông Q nhận các văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị Kim P và ông Nguyễn Huy Q chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyển số I do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/4/2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo bà P trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà là do ông Q có tình cảm với người phụ nữ khác, không chí thú làm ăn mà thường xuyên tụ tập rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình. Đặc biệt, ông Q còn có hành vi xúc phạm, bạo lực, làm bà P tổn thương về tinh thần và thể xác. Mặc dù bà P và gia đình đã khuyên nhủ, động viên nhưng ông Q không thay đổi. Bà P cũng đã tự tìm cách giải quyết, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì vậy, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương chia sẻ với nhau.

Từ yêu cầu, trình bày của bà P, theo quy định của pháp luật, Tòa án đã triệu tập ông Q tham gia tố tụng để nghe ý kiến quan điểm, yêu cầu của ông Q nhưng ông Q vắng mặt không có lý do.

Ngoài ra, để có căn cứ xem xét yêu cầu của bà P, Tòa án thu thập chứng cứ, kết quả xác minh cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là có thật và theo chiều hướng trầm trọng. Tại Tòa, mặc dù được Tòa án động viên, hòa giải nhưng bà P cương quyết ly hôn do xác định không còn tình cảm với ông Q, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Bên cạnh đó, việc ông Q không có mặt ở bất cứ giai

đoạn tố tụng nào để có thể tranh thủ sự hòa giải của Tòa án cũng thể hiện rõ ông không có thiện chí, khát khao hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Đối chiếu quy định trên thì thấy tình trạng hôn nhân của ông Q và bà P không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu để duy trì đời sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Huy Q và bà Trương Thị Kim P có 02 (hai) con chung là Nguyễn Huy B, sinh năm 2001 (theo trích lịch khai sinh số 297/TLKS-BS ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V) và Nguyễn Huy Quốc K, sinh ngày 19/8/2008 (giấy khai sinh số 219, quyển số 01/2008 ngày 01/9/2008 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V). Nguyễn Huy B đã trưởng thành, bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Huy Quốc K mong muốn được sống cùng mẹ. Nhằm bảo đảm việc chăm sóc nuôi dạy cháu K tránh sự xáo trộn lớn từ việc ly hôn của bố mẹ. Đồng thời, xét thấy bà P có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, bà có nguyện vọng nuôi con. Nên quyết định giao cháu Nguyễn Huy Quốc K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim P.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Kim P ly hôn với ông Nguyễn Huy Q.

2. Về con chung: Là Nguyễn Huy B, sinh năm 2001 và Nguyễn Huy Quốc K, sinh ngày 19/8/2008. Nguyễn Huy B đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Giao Nguyễn Huy Quốc K cho bà Trương Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Kim P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009740 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Như vậy, bà P đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

